

Tân Phú, ngày 09 tháng 01 năm 2020

THÔNG BÁO

**“Công khai cơ sở vật chất, thiết bị, dụng cụ đào tạo, đội ngũ nhà giáo
hoạt động giáo dục nghề nghiệp”**

*Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số
01/GCNĐKHH-SLĐTBXH do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội TP.HCM cấp
ngày 07/01/2020.*

**Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên quận Tân Phú
trân trọng thông báo công khai nội dung như sau:**

Tên cơ sở: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên quận Tân Phú.

Địa chỉ đào tạo: 691 Âu Cơ, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 02838134138

- Email: gdnm.tanphu@gmail.com

- Website: <https://gdnm-gdtxtanphu.hcm.edu.vn>

**I. Ngành, Nghề: Sửa chữa xe gắn máy; trình độ đào tạo: sơ cấp; Quy mô tuyển
sinh/năm: 25 học sinh.**

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo:

a) Cơ sở vật chất:

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 01. Diện tích 40 m²

- Số phòng/xưởng thực hành: 01. Diện tích 80 m²

b) Thiết bị đào tạo:

TT	Thiết bị chính	Đơn vị	Số lượng
1	Mô hình hệ thống điện và máy xe 4 thì cắt bỏ	Bộ	01
2	Mô hình hệ thống điện xe kiểu tay ga	Bộ	01
3	Bản điện xe 4 thì 100 phân khối	Bộ	01
4	Mô hình máy 4 thì cắt đặt trên giá	Cái	01

5	Mô hình máy 2 thì bỏ cắt	Cái	01
6	Mô hình máy 4 thì tháo lắp có giá đỡ	Cái	01
7	Các bộ phận và chi tiết của máy xe 4 thì tháo rời	Bộ	02
8	Mô hình hệ thống đánh lửa các đời xe	Bộ	01
9	Băng video xe gắn máy	Bộ	01
10	Động cơ xe 4 thì 100 phân phối	Máy	01
11	Động cơ xe 4 thì 100 phân phối	Máy	01
12	Đèn soi tầm đánh lửa	Cái	01
13	máy nạp ắc Quy 10 ^a	Cái	01
14	bàn nâng xe mô tô loại thủy lực	Cái	01
15	Van tháo lắp giảm sóc	Bộ	02
16	Cảo Xupap	Cái	02
17	Van mở mâm điện	Cái	02
18	Van côn	Cái	02
19	Van cổ phốt	Cái	02
20	Van tháo ốc gậy	Bộ	02
21	Tay vận bugi đa năng	Cái	02
22	Tay vận chữ T: 8, 10, 12, 13, 14, 17mm	Bộ	02
23	Tournervit động	Bộ	02
24	Hộp khâu tiêu chuẩn	Hộp	02
25	Bộ vít dẹp- bake	Bộ	02
26	Thuốc căn lá	Bộ	02
27	Bộ vít dẹp+ bake	Bộ	02
28	Bộ lục giác 1.5-10mm	Bộ	02
29	Bộ mở bulong bằng hơi	Bộ	02
30	Đồng hồ vận năng	Cái	02
31	kềm bấm đầu cos dây điện	Cái	02
32	Tupe mở bugi	Cái	02

2. Nhà giáo:

a) Tổng số nhà giáo của nghề: 01

b) Tỷ lệ học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi: 25hs/gv

c) Giáo viên cơ hữu:

TT	Họ và tên	Trình độ, nghề được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô-đun được phân công giảng dạy
1	Trần Thiện Thanh	Cơ khí động lực	- Sư phạm bậc 2 - Sư phạm dạy nghề	Đại học	Sửa chữa xe gắn máy

3. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy:

- Tên chương trình: Sửa chữa xe gắn máy; trình độ đào tạo: sơ cấp; thời gian đào tạo: 300 giờ; đối tượng tuyển sinh: các học viên có nhu cầu học nghề sơ cấp (có chương trình đào tạo kèm theo).

II. Ngành, Nghề: Sửa chữa ô tô; trình độ đào tạo: Sơ cấp; Quy mô tuyển sinh/năm: 25 học sinh.

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo:

a) Cơ sở vật chất:

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 01. Diện tích 40 m²
- Số phòng/xưởng thực hành: 01. Diện tích 110 m²

b) Thiết bị đào tạo:

TT	Thiết bị chính	Đơn vị	Số lượng
1.	Bơm cao áp CAV	Cái	01
2.	Bơm cao áp Roosamaster	Cái	01
3.	Bơm cao áp VE	Cái	01
4.	Bộ bơm xăng dùng điện	Cái	01
5.	Bình ắc quy 70Ah, 12V	Bình	04
6.	Dụng cụ tháo lắp séc măng	Bộ	04
7.	Cle6 6-34 đầu vòng..	Bộ	04
8.	Khẩu 6-34	Bộ	04
9.	Cle6 hệ inch 7/16 trở lên	Bộ	04
10.	Khẩu 6-34 hệ inch 7/16 trở lên	Bộ	04
11.	Búa nguội 1kg	Cây	04
12.	Bộ kềm	Bộ	04
13.	Bộ tuốt nơ vít	Bộ	04
14.	Mô lét	Cái	04
15.	kềm bấm	Cái	04

16.	cần sắt loại thường	Cái	04
17.	cần nối các loại	Cái	04
18.	Mỏ lết răng 500mm	Cái	04
19.	Khẩu lục giác sd tháo lắp xe gắn máy 8-19mm	Bộ	04
20.	Eto 140mm	Cái	04
21.	Búa tạ loại 5kg có cán	Cây	04
22.	Bàn thợ 1.2*2.2 gỗ	Cái	04
23.	Bàn học sinh 2 chỗ dài	Cái	06
24.	Cào cái loại	Bộ	01
25.	Khay đựng chi tiết, dụng cụ	Cái	04
26.	Bồn rửa chi tiết 1/2 thùng phi xăng 200l	Cái	02
27.	Máy khoan bàn đường kính 16mm	Máy	01
28.	Máy khoan tay dùng điện đường kính 13mm	Máy	01
29.	Mũi khoan đường kính từ 3-14mm	Hộp	05
30.	Bộ bàn ren ta rô đường kính 4-14mm	Bộ	05
31.	Tủ đựng dụng cụ có bánh xe 0.5*0.7*0.11m	Cái	02
32.	Bộ tháo bánh xe chữ thập	Bộ	05
33.	Cưa sắt	Cây	10
34.	Khối V 5in	Bộ	02
35.	Bộ Cle lục giác	Bộ	04
36.	kềm lắp xéc măng	Cái	04
37.	Cào Xupap	Cái	04
38.	ĐH đo điện	Cái	02
39.	Căn lá	Bộ	04
40.	Mô hình cấu tạo tổng quát ô tô	Bộ	01
41.	Động cơ phun xăng ĐT - Đa điểm, 4 xy xanh cắt bỏ	Bộ	02
42.	Động cơ xăng dùng thực tập tháo lắp	Máy	10
43.	Hệ thống làm mát	Bộ	02
44.	Hệ thống bôi trơn	Bộ	01
45.	Động cơ phun xăng điện tử Toyota	Máy	01
46.	Bộ phim trong dạy nghề hệ thống khung gầm	Bộ	10

47.	Bộ Phim trong màu dạy hệ thống phun xăng	Bộ	10
48.	CD giảng dạy hệ thống khung gầm	Đĩa	02
49.	Mô hình hệ thống treo độc lập	Bộ	01
50.	Mô hình hệ thống treo phụ thuộc	Bộ	01
51.	Mô hình cấu tạo ly hợp ma sát	Bộ	01
52.	Hộp số cơ khí 5 số	Bộ	01
53.	Hộp số có 4 số và 01 bộ vi sai	Bộ	01
54.	Hộp số tự động	Bộ	05
55.	cầu sau chủ động xe du lịch	Bộ	01
56.	Cầu chủ động sau xe tải	Bộ	01
57.	Cầu chủ động trước xe du lịch	Bộ	01
58.	Mô hình hệ thống lái kiểu TR-TR	Bộ	01
59.	Hệ thống phanh trợ lực khí nén- phanh trống	Bộ	01
60.	Mô hình hệ thống phanh ABS	Bộ	01
61.	Mô hình hộp số tự động kết hợp DCPX ĐT	Bộ	01
62.	Cảm biến vị trí ga kiểu tiếp điểm	Cái	02
63.	Hộp ECU các loại	Hộp	05
64.	kim phun và ống phân phối có điều áp	Cái	05
65.	Deleo các loại	Cái	05
66.	MHHT phun xăng điện tử	Bộ	01
67.	Mô hình tổng quát hệ thống điện ô tô	Bộ	01
68.	Mô hình hệ thống đánh lửa đời mới TOYOTA	Bộ	01
69.	Mô hình hệ thống chiếu sáng- tín hiệu	Bộ	01
70.	Mô hình hệ thống nâng hạ kính cửa sổ và lock cửa	Bộ	01
71.	Mô hình hệ thống điều khiển kính chiếu hậu	Bộ	01
72.	Mô hình hệ thống chống trộm xe ô tô	Bộ	01
73.	Tiết chế loại rung và bán dẫn	Cái	05
74.	Công tắc máy loại thường	Cái	05
75.	Công tắc máy loại TOYOTA	Cái	01
76.	Máy phát xoay chiều cắt bỏ	Bộ	01
77.	Máy khởi động cắt bỏ	Bộ	01

78.	Bộ bản vẽ A1 dạy hệ thống điện ô tô	Bộ	10
79.	Mô hình hệ thống điều hòa ô tô	Bộ	01
80.	Máy nén kiểu piston cắt bo	Bộ	01
81.	Máy nén kiểu ly tâm cắt bỏ	Bộ	05
82.	Bộ bản vẽ A1- dạy hệ thống điều hòa	Bộ	05
83.	Bộ đồng hồ sạc gas	Bộ	02
84.	Bình ga lạnh R134	Bình	01
85.	Máy hút chân không 3m ³ /giờ	Máy	01
86.	Máy nén hệ thống điều hòa ô tô	Máy	10
87.	Van tiết lưu	cái	02
88.	Filt lọc	cái	02
89.	Dàn nóng	Bộ	01
90.	Dàn lạnh	Bộ	01

2. Nhà giáo:

- Tổng số nhà giáo của nghề: 01
- Tỷ lệ học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi: 25hv/gv
- Giáo viên cơ hữu:

TT	Họ và tên	Trình độ, nghề được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô-đun được phân công giảng dạy
1	Trần Thiện Thanh	Cơ khí động lực	- Sư phạm bậc 2 - Sư phạm dạy nghề	Đại học	Sửa chữa xe ô tô

3. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy:

- Tên chương trình: Sửa chữa xe ô tô; trình độ đào tạo: Sơ cấp; thời gian đào tạo: 300 giờ; đối tượng tuyển sinh: các học viên có nhu cầu học nghề sơ cấp (có chương trình đào tạo kèm theo)

III. Ngành, Nghề: Cắt uóc tóc Nữ; Trình độ đào tạo: Sơ cấp; Quy mô tuyển sinh/năm: 25 học sinh.

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo:

- Cơ sở vật chất:
 - Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 01. Diện tích: 60m².
 - Số phòng/xưởng thực hành: 01. Diện tích: 60m².
- Thiết bị đào tạo:

TT	Thiết bị chính	Đơn vị	Số lượng
1	Máy uốn tóc	Cái	02
2	Máy hấp dầu	Cái	05
3	Máy kẹp tóc	Cái	10
4	Kéo cắt, kéo tỉa	Cây	20
5	Máy sấy	Cái	05
6	Giường gội đầu	Cái	02

2. Nhà giáo:

a/ Tổng số nhà giáo của nghề: 01

b/ Tỷ lệ học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi: 25hv/gv

c/ Giáo viên cơ hữu:

TT	Họ và tên	Trình độ, nghề được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô-đun được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Trần Võ Hoàng Anh	Trung cấp, chăm sóc sắc đẹp	Sư phạm dạy nghề	Trung cấp nghề	Cắt uốn tóc Nữ	

3. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy:

- Tên chương trình: Cắt uốn tóc nữ; trình độ đào tạo: sơ cấp; thời gian đào tạo: 300 giờ; đối tượng tuyển sinh: các học viên có nhu cầu học nghề sơ cấp (có chương trình đào tạo kèm theo)

IV. Ngành, Nghề: Cắt tóc Nam; Trình độ đào tạo: Sơ cấp; Quy mô tuyển sinh/năm: 25 học sinh.

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo:

a) Cơ sở vật chất:

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 01. Diện tích 60m².

- Số phòng/xưởng thực hành: 01. Diện tích 60m².

b) Thiết bị đào tạo:

TT	Thiết bị chính	Đơn vị	Số lượng
1	Máy uốn tóc	Cái	02
2	Máy hấp dầu	Cái	05
3	Máy kẹp tóc	Cái	10
4	Kéo cắt, kéo tỉa	Cây	20
5	Máy sấy	Cái	05
6	Giường gội đầu	Cái	02

2. Nhà giáo:

a) Tổng số giáo viên của nghề: 01

b) Tỷ lệ học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi: 25hv/gv

c) Giáo viên cơ hữu:

TT	Họ và tên	Trình độ, nghề được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô-đun được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Trần Võ Hoàng Anh	Trung cấp, chăm sóc sắc đẹp	Sư phạm dạy nghề	Trung cấp nghề	Cắt tóc Nam	

3. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy:

- Tên chương trình: Cắt tóc Nam; trình độ đào tạo: Sơ cấp; thời gian đào tạo: 300 giờ; đối tượng tuyển sinh: các học viên có nhu cầu học nghề sơ cấp (có chương trình đào tạo kèm theo)

V. Ngành, Nghề: Trang điểm; trình độ đào tạo: Sơ cấp; Quy mô tuyển sinh/năm: 25 học sinh.

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo:

a) Cơ sở vật chất:

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 01. Diện tích: 32m².- Số phòng/xưởng thực hành: 01. Diện tích: 32m².

b) Thiết bị đào tạo:

Học viên tự trang bị theo nhu cầu thực tế

2. Nhà giáo:

a) Tổng số giáo viên của nghề: 01

b) Tỷ lệ học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi: 25hv/gv

c) Giáo viên cơ hữu:

TT	Họ và tên	Trình độ, nghề được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô-đun được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Nguyễn Thị Hoa	Trung cấp, Chăm sóc sắc đẹp	Sư phạm dạy nghề	Trung cấp nghề	Trang điểm	

3. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy:

- Tên chương trình: Trang điểm; trình độ đào tạo: Sơ cấp; thời gian đào tạo: 300 giờ; đối tượng tuyển sinh: các học viên có nhu cầu học nghề sơ cấp (có chương trình đào tạo kèm theo)

VI. Ngành, Nghề: Làm móng; trình độ đào tạo: Sơ cấp; Quy mô tuyển sinh/năm: 25 học sinh.

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo:

a) Cơ sở vật chất:

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 01. Diện tích: 32m².

- Số phòng/xưởng thực hành: 01. Diện tích: 32m².

b) Thiết bị đào tạo:

Học viên tự trang bị theo nhu cầu thực tế

2. Nhà giáo:

a) Tổng số giáo viên của nghề: 01

b) Tỷ lệ học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi: 25hv/gv

c) Giáo viên cơ hữu:

TT	Họ và tên	Trình độ, nghề được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô-đun được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Nguyễn Thị Hoa	Trung cấp, Chăm sóc sắc đẹp	Sư phạm dạy nghề	Trung cấp nghề	Làm móng	

3. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy:

- Tên chương trình: Làm móng; trình độ đào tạo: sơ cấp; thời gian đào tạo: 300 giờ; đối tượng tuyển sinh: các học viên có nhu cầu học nghề sơ cấp (*có chương trình đào tạo kèm theo*)

VII. Ngành, Nghề: Hàn; trình độ đào tạo: Sơ cấp; Quy mô tuyển sinh/năm: 25 học sinh.

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo:

a) Cơ sở vật chất:

- Số phòng học lý thuyết: **01**. Diện tích: 90m²

- Số phòng, xưởng thực hành: **01**. Diện tích: 150m²

b) Thiết bị đào tạo:

TT	Thiết bị chính	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bộ hàn hơi	Bộ	02
2	Quạt hút công nghiệp	Cái	02
3	Cabin hàn chuyên dụng	Cái	10
4	Máy hàn 1 pha xoay chiều 12KVA	Cái	02
5	Máy hàn 1 pha xoay chiều 16KVA	Cái	02
6	Máy hàn Hồ quang 35KVA	Cái	01
7	Máy hàn MIG/MAG	Cái	01
8	Máy hàn TIG	Cái	01
9	Máy hàn điểm 8KVA	Cái	01
10	Máy mài tay	Cái	02
11	Kéo cắt tôn	Cây	04
12	Máy Khoan bàn	Cái	01

13	Bộ dũa các loại	Bộ	05
14	Bộ thước cặp L150, L200, L300	Bộ	05
15	Bộ Panme đo ngoài	Bộ	02
16	Bộ thước dây	Bộ	01
17	Bộ búa 0.5kg, 1kg, 3kg, 5kg	Bộ	05
18	Bộ kìm ...	Bộ	05
19	Ê tô loại nhỏ	Cái	02
20	Máy mài 2 đá 180mm 1/2 Hp - 220v	Cái	01
21	Máy nén khí 20kg động cơ 3/4Hp	Cái	01

2. Nhà giáo:

a) Tổng số giáo viên của nghề: 01

b) Tỷ lệ học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi: 25hv/gv

c) Giáo viên cơ hữu:

TT	Họ và tên	Trình độ, ngành, nghề được đào tạo	Trình độ kỹ năng nghề	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Môn học/môđun giảng dạy
1	Nguyễn Đình Khẩn	Công nghệ chế tạo máy	Kỹ sư	Chứng chỉ sư phạm nghề bậc 2	Hàn

3. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy:

- Tên chương trình: Hàn; trình độ đào tạo: sơ cấp; thời gian đào tạo: 300 giờ; đối tượng tuyển sinh: các học viên có nhu cầu học nghề sơ cấp (có chương trình đào tạo kèm theo)

VIII. Ngành, Nghề: Điện lạnh; trình độ đào tạo: Sơ cấp; Quy mô tuyển sinh/năm: 25 học sinh.

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo:

a) Cơ sở vật chất:

- Số phòng học lý thuyết: **01**. Diện tích: 60m²

- Số phòng, xưởng thực hành: **01**. Diện tích: 60m²

b) Thiết bị đào tạo:

TT	Thiết bị chính	Đơn vị tính	Số lượng
1	Động cơ 1 pha, Động cơ 3 pha	Cái	04
2	Máy nén, máy nén piston .	Cái	02
3	Máy nén, máy nén Roto lặn	Cái	01
4	Thiết bị trao đổi nhiệt tủ lạnh (Dàn ngưng tụ)	Bộ	01
5	Thiết bị trao đổi nhiệt tủ lạnh (Dàn bay hơi)	Bộ	01
6	Phin lọc tủ lạnh, máy lạnh	Cái	02
7	Ống mao, van tiết lưu	Cái	01
8	Role khởi động (role dòng điện)	Cái	05
9	Role khởi động (role PTC)	Cái	05
10	Thiết bị trao đổi nhiệt máy lạnh (Dàn ngưng	Cái	02

	tụ)		
11	Thiết bị trao đổi nhiệt máy lạnh (Dàn bay hơi)	Cái	02
12	Tủ lạnh nguyên bộ	Cái	01
13	Máy lạnh nguyên bộ 2 cụm 1HP (Mono)	Cái	01
14	Máy lạnh nguyên bộ 2 cụm 1HP (Inverter)	Cái	01
15	Máy nước nóng, lạnh	Cái	01
16	Tủ kem	Cái	01

2. Nhà Giáo:

- a) Tổng số giáo viên của nghề: 01
b) Tỷ lệ học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi: 25hv/gv
c) Giáo viên cơ hữu:

TT	Họ và tên	Trình độ, nghề được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô-đun được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Đỗ Trọng Quý	Kỹ sư, điện khí hóa và cung cấp điện	Nghiệp vụ sư phạm bậc 2	Kỹ sư	Điện lạnh	

3. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy:

- Tên chương trình: Điện lạnh; trình độ đào tạo: Sơ cấp; thời gian đào tạo: 300 giờ; đối tượng tuyển sinh: các học viên có nhu cầu học nghề sơ cấp đủ từ 16 tuổi trở lên.

B. Phân hiệu/địa điểm đào tạo (nếu có): 691 Âu Cơ, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 2, Trung tâm dạy nghề quận Tân Phú cũ).

Nơi nhận:

- Dán công khai ở bản tin cq (T/B);
- Đăng tải Website (Q/c);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)



Lưu Thanh Tòng

